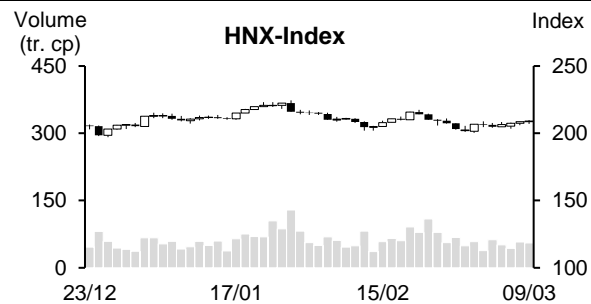
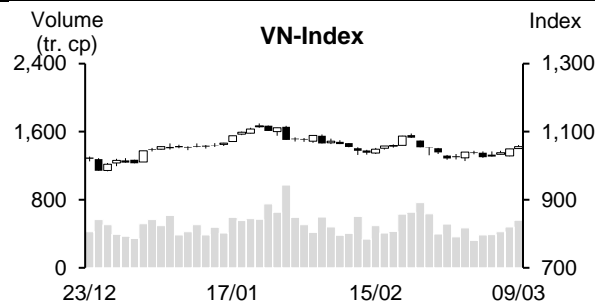


09/03/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,055.95	0.65%	1,050.28	0.93%	209.03	0.17%
Tổng KLGD (tr. cp)	609.04	19.33%	197.20	25.83%	56.99	-44.16%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	557.65	15.99%	184.27	30.37%	55.10	-4.64%
TB 20 phiên (tr. cp)	483.83	15.26%	135.83	35.67%	62.36	-11.64%
Tổng GTGD (tỷ VND)	10,729	25.61%	4,818	33.75%	879	-32.01%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	9,606	22.80%	4,336	39.26%	845	-6.48%
TB 20 phiên (tỷ VND)	7,654	25.50%	3,059	41.76%	945	-10.57%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	271	59%	19	63%	99	43%
Số mã giảm	118	26%	5	17%	69	30%
Số mã đứng giá	67	15%	6	20%	61	27%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Dòng tiền nhập cuộc ồ ạt giúp thị trường nổi dài mạch tăng điểm 4 phiên liên tiếp. Mặc dù sắc xanh chiếm ưu thế, cổ phiếu Bluechips chỉ nhích tăng nhẹ trong phiên sáng khi áp lực chốt lời vẫn hiện hữu. Trong khi đó, nhóm vốn hóa vừa và nhỏ đa phần có diễn biến phân hóa. Riêng nhóm cổ phiếu hàng không và du lịch sôi động từ sớm sau khi có thông tin Trung Quốc mở lại các tour du lịch đến Việt Nam. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu bán lẻ cũng được bắt đáy khá tích cực trong phiên hôm nay sau chuỗi những phiên điều chỉnh gần đây. Bước sang phiên chiều, đà tăng của VN-Index được nới rộng khi dòng tiền dịch chuyển trở lại nhóm ngân hàng. STB có thời điểm kéo trần trong khi VIB, SHB cũng khởi sắc. Tuy nhiên, áp lực bán gia tăng trở lại vào những phút cuối phiên đã thu hẹp đà tăng của các chỉ số.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang tham gia thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20 và vượt qua áp lực của MA50, cùng với đường MACD cắt lên Signal củng cố tín hiệu mua mới, cho thấy chỉ số có thể đang bước vào một đợt tăng ngắn hạn với kháng cự mục tiêu quanh vùng 1.090 – 1.100 điểm (đỉnh tháng 2/2023). Tuy nhiên, đường MA20 vẫn trong trạng thái hướng xuống và đường -DI vẫn nằm trên +DI, cho thấy áp lực bán vẫn chưa được rũ bỏ hết và chỉ số có thể cần một vài phiên rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố lại đà tăng, với hỗ trợ mạnh quanh vùng 1.046 điểm (MA20). Do đó, nhà đầu tư nên chờ đợi tín hiệu rung lắc trước khi cân nhắc tham gia thị trường. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy chỉ số đang có cơ hội xuất hiện đợt tăng ngắn hạn với kháng cự mục tiêu quanh vùng 220 điểm (đỉnh tháng 1/2023). Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội bước vào đợt tăng ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc thực hiện các vị thế giao dịch lướt sóng trên các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

Cổ phiếu khuyến nghị: VNM (Mua)

Cổ phiếu quan sát: VIB, PHR

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Mua	10/03/23	76.5	76.5	0.0%	81.3	6.3%	74.7	-2.4%	Cổ phiếu đã được tích lũy và có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VIB	Quan sát mua	10/03/23	21.2	22.5-23	Nến tăng kèm vol tăng trở lại khi đang trong vùng tích lũy quanh các đường MA -> khả năng có thể có nhịp tăng ngắn trở lại
2	PHR	Quan sát mua	10/03/23	41.9	44.5-46	Nến tăng kèm vol tăng trở lại khi đang trong vùng tích lũy quanh các đường MA -> khả năng có thể có nhịp tăng ngắn trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TDM	Mua	15/02/23	37.45	36.8	1.8%	40.8	10.9%	35.6	-3.3%	
2	POW	Mua	02/03/23	13	12.35	5.3%	14.45	17.0%	11.7	-5%	
3	KHP	Mua	03/03/23	8.3	8.22	1.0%	9.2	11.9%	7.8	-5%	
4	CNG	Mua	08/03/23	28.2	28.35	-0.5%	30.7	8.3%	27.3	-4%	
5	LPB	Mua	09/03/23	14.8	14.65	1.0%	16	9.2%	14	-4%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Nhà đầu tư trong nước mở mới chưa đến 100.000 tài khoản chứng khoán từ đầu năm

Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), nhà đầu tư trong nước đã mở mới 63.864 tài khoản chứng khoán trong tháng 2. Con số này đã tăng gần 28.000 tài khoản so với tháng trước nhưng vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung trong khoảng 2 năm trở lại đây. Trong tháng 2, nhà đầu tư cá nhân mở mới 63.731 tài khoản và các tổ chức mở mới 133 tài khoản. Tính chung 2 tháng đầu năm, nhà đầu tư trong nước mở mới tổng cộng chưa đến 100.000 tài khoản.

Sự sụt giảm lượng tài khoản mở mới cũng kéo theo giao dịch ngày càng ảm đạm. Thanh khoản đang có xu hướng giảm tháng thứ 4 liên tiếp.

Trong tháng 2/2023, nhà đầu tư nước ngoài đã mở mới 176 tài khoản, tăng mạnh so với con số 112 của tháng trước đó. Về cơ cấu, nhà đầu tư cá nhân mở mới 151 tài khoản, tổ chức mở mới 25 tài khoản trong tháng vừa qua. Thời điểm cuối tháng 2, nhà đầu tư nước ngoài có tổng cộng 43.029 tài khoản.

Tồn kho bất động sản sẽ tiếp tục tăng cao

Báo cáo của Bộ Xây dựng cho thấy, trong năm 2022, dù gặp khó khăn nhưng thị trường bất động sản (BDS) vẫn ghi nhận những sự phục hồi với tổng lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ thành công trong năm 2022 là 150.268 giao dịch.

Tuy nhiên, đến cuối năm 2022, tổng giá trị hàng tồn kho của một số doanh nghiệp BĐS lớn niêm yết trên sàn chứng khoán cũng tăng nhanh, chạm mốc gần 272.210 tỷ đồng, tăng 26, 4% so với cuối năm 2021.

Theo nhận định của Tập đoàn dịch vụ BĐS (DKRA Group), lượng tồn kho BĐS ghi nhận liên tục gia tăng từ năm 2019 khi đạt mức 223.474 tỷ đồng (tăng 38% so với năm 2018) cho đến nay. Trong đó, lượng hàng tồn kho BĐS chủ yếu nằm ở phân khúc căn hộ trung, cao cấp, căn hộ du lịch, nhà tái định cư... được đầu tư xây dựng tại các vị trí xa trung tâm, thiếu đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Song song, động thái tăng cường kiểm soát tín dụng, thanh tra kiểm tra dự án/chủ đầu tư, siết chặt quản lý cấp phép, lãi suất tăng cao thời gian qua đã vô hình trung gây áp lực lên quyết định mở bán sản phẩm ra thị trường của các chủ đầu tư.

Theo DKRA Group, từ giữa cuối năm 2022 đến nay, hàng loạt thách thức từ câu chuyện nguồn vốn vào thị trường bị kiểm soát chặt chẽ cho đến tác động từ thị trường trái phiếu hay những rào cản pháp lý khiến hầu hết dự án BĐS không thể triển khai, thanh khoản liên tục sụt giảm, các doanh nghiệp buộc phải tái cấu trúc theo hướng tinh gọn bộ máy, điều chỉnh chiến lược kinh doanh... để tránh rơi vào khủng hoảng.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Tin doanh nghiệp niêm yết

PV Power (POW) ước doanh thu tháng 2 tăng trưởng 35% so với cùng kỳ

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power – mã POW) đã công bố kết quả kinh doanh tháng 2 với tổng sản lượng điện từ các nhà máy điện khoảng 1,5 tỷ kWh, tăng 36% so với tháng trước. Doanh thu trong tháng ước đạt 2.809 tỷ đồng, tăng 64% so với tháng trước và 35% so với cùng kỳ qua đó vượt lần lượt 49% kế hoạch.

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 3, PV Power đặt mục tiêu đạt sản lượng hơn 1,3 tỷ kWh và tổng doanh thu là 2.627 tỷ đồng.

CAV sắp tạm ứng cổ tức bằng tiền tỷ lệ 20%, Gelex Electric dự kiến nhận về hơn trăm tỷ

Ngày 29/3 tới đây, Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (mã chứng khoán: CAV) sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền. Theo đó, CAV sẽ thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 20%. Ngày bắt đầu chi trả dự kiến là 14/4/2023.

Với gần 57,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, CAV sẽ chi ra khoảng 115 tỷ đồng để chia cổ tức lần này. Trước đó vào tháng 11/2022, công ty cũng đã tiến hành chia cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền cũng với tỷ lệ 20%. Như vậy công ty đã tạm ứng cổ tức 2022 với tổng tỷ lệ 40%.

Hiện tại, cơ cấu cổ đông tại CAV ghi nhận công ty mẹ Gelex Electric (mã chứng khoán: GEE) – thành viên của CTCP Tập đoàn Gelex (GEX) - nắm tới 96,61% vốn điều lệ. Theo đó, GEE sẽ nhận về hơn 111 tỷ đồng cổ tức từ công ty con.

Về tình hình kinh doanh, lũy kế cả năm 2022, doanh thu thuần của CAV đạt mức 11.334 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hơn 482 tỷ đồng, tăng lần lượt 8% và 14% so với thực hiện năm 2021. So với kế hoạch, công ty đã hoàn thành 94% kế hoạch doanh thu và 92% chỉ tiêu lợi nhuận.

REE dự kiến bán cổ phiếu quỹ hơn 1 triệu cp quỹ dưới dạng ESOP

Theo tài liệu ĐHĐCĐ 2023 mới công bố, CTCP Cơ Điện Lạnh (HOSE-REE) sẽ trình thông qua mức chia cổ tức 25% cho các cổ đông. Trong đó 10% là cổ tức tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15. Với hơn 355 triệu cp đang lưu hành, tổng cộng Công ty sẽ chi hơn 355.4 tỷ đồng để trả cổ tức tiền mặt, và phát hành thêm hơn 53 triệu cp để trả cho cổ đông.

Doanh nghiệp dự kiến trình thông qua việc sử dụng cổ phiếu quỹ để bán giá ưu đãi cho các nhân viên quản lý có thành tích kinh doanh xuất sắc trong năm 2023, theo chương trình ESOP-2023. Tổng lượng cổ phiếu quỹ bán ra là hơn 1 triệu cp, với giá bán cố định 10,000 đồng/cp. Ước tính nếu phân phối hết, Công ty sẽ thu về hơn 10 tỷ đồng. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm.

Về tình hình kinh doanh, REE kết thúc năm 2022 với doanh thu tăng 87% lên hơn 9.3 ngàn tỷ đồng; lãi sau thuế và lãi ròng lần lượt 3.5 ngàn tỷ đồng và gần 2.7 ngàn tỷ đồng, tăng 65% và 45% so với năm 2021. Đây cũng là mức lãi kỷ lục kể từ khi Công ty niêm yết trên sàn (năm 2000).

Nguồn: Cafef, Vietstock

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	93,000	0.87%	0.09%
GVR	15,150	4.48%	0.06%
STB	26,500	4.54%	0.05%
VJC	101,800	3.56%	0.05%
HVN	13,300	6.83%	0.04%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
IDC	40,700	3.04%	0.15%
VCS	52,400	3.76%	0.12%
OCH	8,000	9.59%	0.05%
THD	40,100	1.01%	0.05%
VC3	29,800	4.20%	0.05%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BID	47,650	-0.73%	-0.04%
VRE	27,000	-0.92%	-0.01%
BCM	84,000	-0.59%	-0.01%
VCF	231,900	-4.09%	-0.01%
HDB	18,500	-0.54%	-0.01%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DTK	9,000	-10.00%	-0.26%
KSF	41,900	-2.56%	-0.13%
PVS	27,100	-1.45%	-0.07%
BAB	14,300	-1.38%	-0.07%
DNP	23,000	-5.35%	-0.06%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
STB	26,500	4.54%	42,575,200
HSG	16,250	0.00%	27,862,400
HPG	21,200	0.00%	23,274,800
POW	13,000	1.96%	20,902,900
LPB	14,800	1.02%	19,620,500

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	8,700	0.00%	11,477,906
PVS	27,100	-1.45%	4,171,191
CEO	20,700	-0.96%	4,159,924
IDC	40,700	3.04%	4,095,986
MBG	5,100	4.08%	3,105,349

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
STB	26,500	4.54%	1,120.4
HPG	21,200	0.00%	497.0
HSG	16,250	0.00%	459.3
SSI	19,800	0.00%	352.7
LPB	14,800	1.02%	293.4

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
IDC	40,700	3.04%	165.6
PVS	27,100	-1.45%	113.9
SHS	8,700	0.00%	99.8
CEO	20,700	-0.96%	87.0
TNG	18,000	-1.64%	50.6

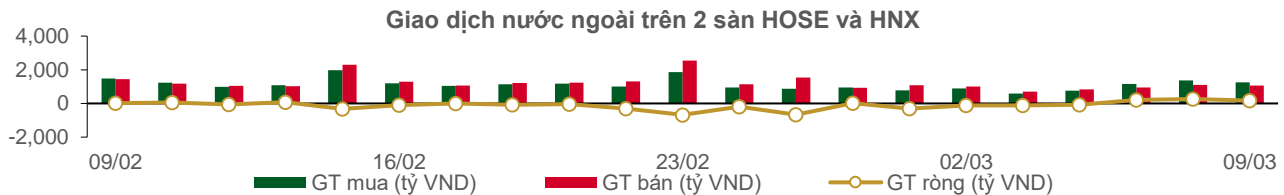
Thống kê giao dịch thỏa thuận**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
EIB	12,118,400	240.36
VRE	3,079,200	83.61
VIC	1,384,000	73.35
VSC	2,240,000	66.75
VJC	558,600	54.32

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VIT	1,417,308	26.50
HUT	460,000	6.94
GKM	10,000	0.31
DXP	91	0.00

Thông kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	52.07	1,223.00	38.11	1,052.39	13.96	170.61
HNX	0.94	20.94	1.29	15.96	(0.35)	4.97
Tổng 2 sàn	53.02	1,243.94	39.40	1,068.35	13.62	175.58



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VRE	27,000	5,595,170	143.99
SSI	19,800	4,071,401	78.97
VHM	42,400	1,756,100	73.03
E1VFN30	17,930	3,925,700	66.56
HSG	16,250	4,018,600	64.36

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
CEO	20,700	582,200	12.17
IDC	40,700	132,810	5.38
PVS	27,100	66,900	1.83
TNG	18,000	59,000	1.08
PVG	7,900	18,500	0.15

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VRE	27,000	4,493,000	120.12
VHM	42,400	1,587,938	67.12
DCM	23,300	2,776,000	61.49
E1VFN30	17,930	3,150,100	56.30
VCB	93,000	634,620	56.03

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SHS	8,700	819,200	7.11
PVS	27,100	124,200	3.39
TNG	18,000	140,588	2.56
CEO	20,700	40,700	0.85
PVC	16,100	23,700	0.39

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HSG	16,250	3,965,651	63.49
SSI	19,800	2,793,028	54.05
POW	13,000	3,008,890	36.73
HPG	21,200	1,754,172	35.71
VNM	76,500	382,130	27.84

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
CEO	20,700	541,500	11.32
IDC	40,700	126,005	5.11
PVG	7,900	18,500	0.15
KVC	1,500	59,500	0.08
MBS	13,900	2,900	0.04

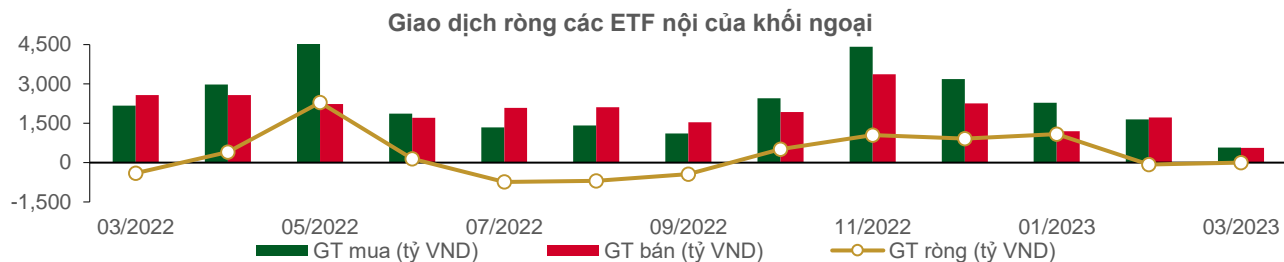
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DCM	23,300	(2,740,000)	(60.69)
VCB	93,000	(419,320)	(36.90)
FUEVFVND	22,350	(889,875)	(19.84)
DXG	11,200	(1,746,000)	(19.65)
VPB	18,200	(650,000)	(11.79)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SHS	8,700	(819,200)	(7.11)
PVS	27,100	(57,300)	(1.56)
TNG	18,000	(81,588)	(1.47)
PVC	16,100	(23,700)	(0.39)
PVI	50,000	(4,800)	(0.24)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	17,930	1.3%	4,184,000	74.61	E1VFN30	66.56	56.30	10.26
FUEMAV30	12,410	1.7%	13,700	0.17	FUEMAV30	0.15	0.03	0.12
FUESSV30	12,820	1.1%	12,600	0.16	FUESSV30	0.12	0.01	0.11
FUESSV50	15,600	-4.9%	16,100	0.25	FUESSV50	0.00	0.00	0.00
FUESSVFL	15,290	2.5%	144,800	2.22	FUESSVFL	0.60	1.65	(1.05)
FUEVFN30	22,350	1.8%	2,375,000	52.77	FUEVFN30	21.24	41.07	(19.84)
FUEVN100	13,300	0.8%	61,900	0.82	FUEVN100	0.40	0.60	(0.20)
FUEIP100	7,340	1.9%	24,400	0.18	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	6,920	4.1%	51,000	0.35	FUEKIV30	0.16	0.17	(0.01)
FUEDCMID	8,170	3.0%	6,300	0.05	FUEDCMID	0.00	0.03	(0.03)
FUEKIVFS	9,090	4.5%	51,100	0.46	FUEKIVFS	0.23	0.22	0.00
Tổng cộng			6,940,900	132.04	Tổng cộng	89.47	100.09	(10.62)



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2207	190	-5.0%	60,810	22	25,350	212	22	25,500	4.0	31/03/2023
CACB2208	1,460	5.0%	380	180	25,350	1,279	(181)	21,500	4.0	05/09/2023
CFPT2209	60	50.0%	43,930	22	80,600	57	(3)	88,000	10.0	31/03/2023
CFPT2210	530	6.0%	28,570	175	80,600	478	(52)	90,000	10.0	31/08/2023
CFPT2212	1,210	5.2%	9,680	89	80,600	1,267	57	70,000	10.0	06/06/2023
CFPT2213	1,310	1.6%	230	180	80,600	1,190	(120)	74,500	10.0	05/09/2023
CFPT2214	1,440	2.1%	270	237	80,600	1,237	(203)	76,000	10.0	01/11/2023
CFPT2301	1,700	0.0%	0	110	80,600	843	(857)	84,000	6.0	27/06/2023
CFPT2302	1,730	0.0%	10	160	80,600	613	(1,117)	85,000	10.0	16/08/2023
CHDB2208	180	0.0%	29,570	19	18,500	83	(97)	19,190	4.0	28/03/2023
CHPG2215	60	20.0%	95,550	19	21,200	33	(27)	23,000	10.0	28/03/2023
CHPG2221	20	-33.3%	192,200	22	21,200	26	6	25,000	4.0	31/03/2023
CHPG2225	1,510	2.7%	63,020	89	21,200	1,596	86	17,000	3.0	06/06/2023
CHPG2226	2,300	4.6%	3,910	180	21,200	1,957	(343)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	2,330	1.3%	9,710	237	21,200	1,933	(397)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2301	2,440	1.2%	200	110	21,200	1,780	(660)	19,000	2.0	27/06/2023
CHPG2302	2,700	2.7%	2,700	202	21,200	1,916	(784)	20,000	2.0	27/09/2023
CHPG2303	2,650	3.9%	140	130	21,200	1,562	(1,088)	23,900	1.0	17/07/2023
CHPG2304	2,120	0.0%	1,610	160	21,200	1,077	(1,043)	23,000	2.0	16/08/2023
CKDH2209	20	-33.3%	19,920	19	26,000	0	(20)	36,340	7.3	28/03/2023
CMBB2210	10	0.0%	4,320	22	17,800	0	(10)	25,500	2.0	31/03/2023
CMBB2211	140	7.7%	55,170	175	17,800	67	(73)	27,000	4.0	31/08/2023
CMBB2213	820	2.5%	16,840	89	17,800	668	(152)	17,000	3.0	06/06/2023
CMBB2214	1,620	-4.7%	690	180	17,800	1,352	(268)	17,000	2.0	05/09/2023
CMBB2215	1,630	5.8%	2,640	237	17,800	1,294	(336)	18,000	2.0	01/11/2023
CMBB2301	970	7.8%	10	110	17,800	649	(321)	16,300	4.0	27/06/2023
CMBB2302	980	8.9%	430	110	17,800	569	(411)	19,400	2.0	27/06/2023
CMSN2209	20	100.0%	250	19	80,800	0	(20)	111,410	19.9	28/03/2023
CMSN2214	380	2.7%	3,590	89	80,800	202	(178)	100,000	10.0	06/06/2023
CMSN2215	570	1.8%	2,080	180	80,800	439	(131)	102,000	10.0	05/09/2023
CMWG2212	10	0.0%	0	22	40,000	0	(10)	75,000	10.0	31/03/2023
CMWG2213	170	0.0%	101,630	89	40,000	79	(91)	54,000	6.0	06/06/2023
CMWG2214	520	10.6%	11,050	180	40,000	310	(210)	46,500	10.0	05/09/2023
CMWG2215	680	7.9%	9,770	237	40,000	441	(239)	45,000	10.0	01/11/2023
CMWG2301	1,300	0.0%	10	130	40,000	335	(965)	46,300	7.0	17/07/2023
CNVL2208	10	0.0%	1,820	19	10,950	0	(10)	80,000	16.0	28/03/2023
CPDR2205	10	0.0%	10,120	19	12,000	0	(10)	53,000	16.0	28/03/2023
CPOW2204	90	28.6%	29,750	19	13,000	51	(39)	13,980	5.0	28/03/2023
CPOW2209	60	50.0%	73,550	32	13,000	16	(44)	16,330	4.0	10/04/2023
CPOW2210	960	5.5%	14,790	89	13,000	1,359	399	13,000	1.0	06/06/2023
CSTB2215	970	36.6%	66,270	19	26,500	885	(85)	22,220	5.0	28/03/2023
CSTB2218	300	150.0%	419,330	22	26,500	399	99	28,000	2.0	31/03/2023
CSTB2224	4,350	16.6%	13,940	180	26,500	3,963	(387)	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	4,270	10.6%	17,390	237	26,500	4,027	(243)	20,500	2.0	01/11/2023
CSTB2301	2,050	0.0%	2,110	130	26,500	1,182	(868)	26,400	3.0	17/07/2023
CTCB2211	10	0.0%	9,060	22	27,800	0	(10)	42,000	4.0	31/03/2023
CTCB2212	150	0.0%	3,430	175	27,800	83	(67)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2214	840	3.7%	3,120	89	27,800	972	132	27,000	3.0	06/06/2023
CTCB2215	1,290	0.8%	520	180	27,800	1,074	(216)	26,500	4.0	05/09/2023
CTCB2216	1,400	2.2%	10	237	27,800	1,093	(307)	27,500	4.0	01/11/2023
CTCB2301	1,940	0.0%	10	160	27,800	843	(1,097)	30,000	3.0	16/08/2023
CTPB2204	180	28.6%	6,070	19	24,500	128	(52)	23,890	10.0	28/03/2023

Bản tin chứng khoán

CVHM2211	20	0.0%	4,000	19	42,400	0	(20)	65,000	16.0	28/03/2023
CVHM2215	10	-50.0%	22,130	22	42,400	0	(10)	60,000	6.0	31/03/2023
CVHM2216	140	0.0%	31,190	175	42,400	38	(102)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2218	210	0.0%	16,610	89	42,400	47	(163)	54,000	6.0	06/06/2023
CVHM2219	540	14.9%	9,370	180	42,400	157	(383)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	600	-6.3%	12,460	237	42,400	196	(404)	58,000	5.0	01/11/2023
CVIB2201	2,440	9.4%	2,280	180	21,200	1,874	(566)	19,620	1.9	05/09/2023
CVJC2204	10	0.0%	8,250	19	101,800	0	(10)	133,980	20.0	28/03/2023
CVNM2207	640	4.9%	27,960	19	76,500	609	(31)	67,460	15.2	28/03/2023
CVNM2211	2,000	1.0%	650	89	76,500	1,904	(96)	66,810	5.9	06/06/2023
CVNM2212	1,070	4.9%	120	180	76,500	650	(420)	80,560	7.9	05/09/2023
CVPB2211	30	0.0%	30,210	22	18,200	4	(26)	23,310	1.3	31/03/2023
CVPB2212	290	3.6%	8,670	175	18,200	196	(94)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2214	930	2.2%	85,380	180	18,200	732	(198)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	800	-1.2%	11,370	202	18,200	453	(347)	19,800	4.0	27/09/2023
CVPB2302	2,020	0.0%	30	160	18,200	997	(1,023)	18,600	2.0	16/08/2023
CVRE2211	80	0.0%	6,910	19	27,000	61	(19)	28,890	8.0	28/03/2023
CVRE2215	70	16.7%	87,550	22	27,000	163	93	30,000	2.0	31/03/2023
CVRE2216	430	2.4%	33,160	175	27,000	561	131	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2219	420	2.4%	8,930	89	27,000	599	179	29,000	3.0	06/06/2023
CVRE2220	800	5.3%	130	180	27,000	654	(146)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	800	-1.2%	18,060	237	27,000	614	(186)	32,500	4.0	01/11/2023
CVRE2301	1,390	0.0%	20	130	27,000	531	(859)	29,700	4.0	17/07/2023

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
VIB	HOSE	21,200	31,000	06/03/2023	9,550	6.6	1.5
GAS	HOSE	106,800	105,500	01/03/2023	14,075	14.5	3.1
MSH	HOSE	33,100	40,000	23/02/2023	325	7.1	1.3
BSR	UPCOM	16,784	24,900	21/02/2023	7,375	10.4	1.4
PNJ	HOSE	79,900	82,800	13/02/2023	1,763	N/A	N/A
OCB	HOSE	16,450	23,200	19/01/2023	3,517	9.1	1.1
DGW	HOSE	37,250	42,200	12/01/2023	538	11.7	2.3
GEG	HOSE	14,800	23,000	05/01/2023	426	25.3	1.8
TPB	HOSE	24,500	34,000	04/01/2023	6,694	8.0	1.4
TCM	HOSE	50,400	55,200	28/12/2022	253	17.9	2.6
VCB	HOSE	93,000	111,681	19/12/2022	32,660	16.5	3.0
BID	HOSE	47,650	53,363	19/12/2022	19,032	14.1	2.2
CTG	HOSE	29,400	43,440	19/12/2022	17,382	12.0	1.7
TCB	HOSE	27,800	49,353	19/12/2022	24,518	7.0	1.2
MBB	HOSE	17,800	33,800	19/12/2022	24,005	6.4	1.5
ACB	HOSE	25,350	35,562	19/12/2022	15,757	7.6	1.4
VPB	HOSE	18,200	29,888	19/12/2022	24,988	8.0	1.6
HDB	HOSE	18,500	24,877	19/12/2022	9,995	5.0	1.0
LPB	HOSE	14,800	23,500	19/12/2022	4,833	8.4	1.4
MSB	HOSE	12,400	18,000	19/12/2022	4,874	7.4	1.1
SHB	HOSE	10,300	22,500	19/12/2022	10,196	6.8	1.2
PVI	HNX	50,000	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
BMI	HOSE	27,000	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
BVH	HOSE	49,450	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
ANV	HOSE	31,550	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Bản tin chứng khoán

MPC	UPCOM	17,372	27,219	19/12/2022	572	9.5	0.9
VHC	HOSE	56,500	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
FMC	HOSE	36,200	37,300	19/12/2022	266	9.2	1.1
POW	HOSE	13,000	13,800	19/12/2022	2,847	12.7	1.0
NT2	HOSE	30,200	31,200	19/12/2022	957	10.1	2.0
VHM	HOSE	42,400	82,000	19/12/2022	35,578	10.0	2.3
NLG	HOSE	25,700	38,400	19/12/2022	1,368	9.7	1.4
KDH	HOSE	26,000	36,500	19/12/2022	1,363	18.1	1.9
VRE	HOSE	27,000	40,720	19/12/2022	3,461	26.7	2.7
SZC	HOSE	28,350	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
GVR	HOSE	15,150	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
LHG	HOSE	22,400	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
MWG	HOSE	40,000	61,000	19/12/2022	4,891	27.2	3.8
FRT	HOSE	72,500	126,900	19/12/2022	726	35.9	7.2
VNM	HOSE	76,500	84,300	19/12/2022	10,876	18.2	4.9
SAB	HOSE	186,500	175,400	19/12/2022	5,559	19.2	4.5
PLX	HOSE	39,000	48,500	19/12/2022	2,439	29.6	2.4
PVT	HOSE	21,200	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
TRA	HOSE	90,000	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8
DHG	HOSE	96,200	106,300	19/12/2022	981	14.2	3.0
IMP	HOSE	49,500	60,400	19/12/2022	306	13.2	1.9
STK	HOSE	26,450	45,800	19/12/2022	239	13.5	1.8

Nguồn: PHS

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,
157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận
3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912